

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HS-ST

Ngày: 17-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thám và bà Võ Thị Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2019/TLST- HS ngày 05/3/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HS ngày 02/4/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh ngày 29/8/1995 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 4, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Trồng giữ trẻ; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông D (đã chết) và bà S; bị cáo có chồng là T (đã ly hôn năm 2018) và có 01 người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Bị hại: Huỳnh Thị L, sinh năm 1980; trú tại: Tổ 14, phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt

- Người làm chứng:

1. NLC1;

2. NLC2;

3. NLC3;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/11/2018, Nguyễn Thị H hợp đồng giúp việc dọn dẹp trong nhà cho chị Huỳnh Thị L. Sáng ngày 30/11/2018 H đến nhà chị L để làm công việc như đã thỏa thuận, trong lúc dọn dẹp thấy vợ chồng chị L sang quán cà phê bên cạnh uống nước, lúc này trong nhà không có ai nên H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H đi vào phòng ngủ của chị L thấy tủ quần áo không khóa liền dùng tay mở cửa tủ thì phát hiện bên trong tủ có một chiếc hộp nhựa màu da cam hình tròn, bên trong có một số đồ trang sức gồm: 01 mặt dây chuyền, 02 khuyên tai, 01 chiếc lắc (cong) đeo tay, 01 chiếc nhẫn (tất cả đều bằng vàng tây), trên trang sức có gắn nhiều viên đá nhỏ màu trắng. H lấy chiếc hộp trang sức đi xuống nhà vệ sinh của chị L mở lấy toàn bộ tài sản nói trên cất giấu trong túi quần Jean của mình và đem chiếc hộp màu da cam bỏ vào trong túi đựng rác bên góc nhà chị L rồi tiếp tục dọn dẹp nhà chị L đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì ra về.

Trên đường về, H đi đến tiệm vàng Mỹ Loan ở Tổ 15, phường P, thị xã A bán chiếc nhẫn cho anh NLC2 chủ tiệm vàng Mỹ Loan với giá 2.370.000 đồng (hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng), số trang sức còn lại H đem về nhà cất giấu trong tủ quần áo ở phòng ngủ của mình.

Sau khi phát hiện bị mất số trang sức nói trên, chị L đến Công an thị xã A để trình báo. Công an thị xã A đã triệu tập H đến để làm việc, tại đây, Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời giao nộp lại số tiền bán chiếc nhẫn 2.370.000 đồng và các trang sức còn lại.

Tại bản kết luận giám định số 317/C09B của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định 01 (một) mặt dây chuyền, 02 (hai) khuyên đeo tai giống nhau, 01 (một) lắc đeo tay kim loại màu vàng có chứa thành phần chủ yếu là Vàng (Au). Hàm lượng Vàng (Au) trung bình của 03 mẫu là 61,14 %; Tổng trọng lượng (bao gồm cả đá) của 03 mẫu là 26 gam; 01 (một) nhẫn có chứa thành phần chủ yếu là Vàng (Au). Hàm lượng Vàng (Au) là 62,34%; trọng lượng (bao gồm cả đá): 4,82 gam.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 244/KLĐGTS ngày 18/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A xác định 01 mặt dây chuyền bằng vàng có đính nhiều viên đá nhỏ màu trắng có giá trị 1.737.000 đồng (một triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn đồng), 02 khuyên tai giống nhau bằng vàng có đính nhiều viên đá nhỏ màu trắng có giá trị 2.332.000 đồng (hai triệu ba trăm ba mươi hai ngàn đồng); 01 lắc đeo tay bằng vàng có đính nhiều viên đá nhỏ màu trắng có giá trị 9.972.000 đồng (chín triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn đồng); 01 chiếc nhẫn bằng vàng có đính nhiều viên đá nhỏ màu trắng có giá trị 2.737.000 đồng (hai triệu bảy

trăm ba mươi bảy ngàn đồng). Tổng giá trị các tài sản nói trên là 16.778.000.000 đồng (mười sáu triệu bảy trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã thu giữ các vật chứng gồm: 01 (một) mặt dây chuyền; 02 (hai) khuyên tai; 01 (một) lắc đeo tay; 01 (một) chiếc nhẫn, tất cả đều làm bằng kim loại có chứa thành phần chủ yếu là Vàng, có đính nhiều viên đá nhỏ màu trắng và 01 (một) hộp nhựa màu da cam, đường kính 7cm, cao 03 cm, trên mặt hộp có chữ “Vàng bạc đá quý”, đáy hộp có chữ “VANTIEN PLASTIC” được in chìm vào trong; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2.370.000đ (hai triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng). Ngày 26/12/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã trả lại cho anh NLC2 số tiền 2.370.000đ và trả lại cho chị Huỳnh Thị L toàn bộ số trang sức nói trên.

Tại Bản cáo trạng số: 12/CTr-VKS ngày 04/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Lời khai của bị hại Huỳnh Thị L có tại hồ sơ thể hiện: Vào khoảng 7 giờ 30 phút ngày 30/11/2018 Nguyễn Thị H đến giúp việc dọn dẹp trong nhà cho chị L. Khoảng 9 giờ 30 phút cùng ngày chị L cùng anh NLC1 là chồng chị L đi sang quán cà phê bên cạnh để uống nước, lúc này chỉ có Nguyễn Thị H ở nhà, khoảng 11 giờ thì H đi về. Vào khoảng 16 giờ 50 phút cùng ngày chị L vào phòng ngủ để cất bộ nữ trang đang đeo vào tủ để đi tập thể dục thì phát hiện bị mất một hộp nhựa màu da cam bên trong có một bộ trang sức gồm: 01 mặt dây chuyền, 02 khuyên tai, 01 lắc (cong) đeo tay, 01 chiếc nhẫn, tất cả đều bằng vàng tây, trên trang sức có gắn nhiều viên đá nhỏ màu trắng. Quá trình điều tra xác định Nguyễn Thị H là người trộm cắp tài sản. Hiện nay chị L đã nhận lại tài sản bị mất và không có thiệt hại gì. Vì vậy, chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp.

[2] Lời khai của của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do đó đã có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 30/11/2018, tại nhà chị Huỳnh Thị L ở Tổ 14, phường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai, lợi dụng sơ hở của chị Huỳnh Thị L trong việc quản lý tài sản, bị cáo Nguyễn Thị H đã lén lút chiếm đoạt của chị L một bộ đồ trang sức, đựng trong hộp nhựa gồm: 01 (một) mặt dây chuyền, 02 (hai) khuyên đeo tai, 01 (một) chiếc lắc đeo tay, 01 chiếc nhẫn. Các trang sức này làm bằng kim loại có chứa thành phần chủ yếu là Vàng (Au), trên trang sức có gắn nhiều viên đá nhỏ màu trắng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 16.778.000đ (mười sáu triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng). Vì vậy, đã đủ cơ sở tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về hình phạt: Xét bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu không có tiền án, tiền sự; có nghề nghiệp và nơi cư trú rõ ràng (theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường B từ sau khi thực hiện hành vi phạm tội đến nay, bị cáo làm nghề trông giữ trẻ cùng với mẹ đẻ là bà S tại Tổ 4, phường B, thị xã A có thu nhập và nơi ở ổn định); bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Mặt khác, việc phạm tội của bị cáo có tính chất bộc phát, nhất thời; hành vi, thủ đoạn phạm tội giản đơn. Do đó, xét thấy dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình, bị cáo có khả năng tự rèn luyện, cải tạo trở thành công dân tốt. Vì vậy, áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe.

[6] Không có cơ sở xác định vào ngày 30/11/2018 khi mua chiếc nhẫn do Nguyễn Thị H bán anh NLC2 là chủ tiệm vàng Mỹ Loan biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A không xử lý đối với anh NLC2 là có căn cứ.

[7] Về dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã xử lý theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 17 tháng 4 năm 2019).

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (17/4/2019) bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tứ Hải